

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học hiểu được những kiến thức cơ bản nhất, khái quát nhất về nhà nước và pháp luật, nhằm tạo nền tảng vững chắc để người học tiếp tục học tập các học phần khác thuộc lĩnh vực pháp luật trong chương trình đào tạo; đồng thời, có thể tìm kiếm và áp dụng được các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề thông thường trong công việc và cuộc sống một cách hợp pháp với ý thức pháp luật đúng đắn.

4) **Chuẩn đầu ra của học phần** (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được các vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật trong học phần.	Kiến thức
CLO2	Xác định được các sự kiện pháp lý, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, tổ tụng dân sự.	Kiến thức
CLO3	Thực hiện được các kỹ năng tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp để hoàn thành các nhiệm vụ.	Kỹ năng
CLO4	Thực hiện được kỹ năng áp dụng các kiến thức về lý luận, về các quy phạm pháp luật của các ngành luật đã học để phân tích, bình luận, giải quyết các vấn đề pháp lý thông dụng.	Kỹ năng
CLO5	Ham học hỏi, có ý thức pháp luật, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC 1.1. Nguồn gốc nhà nước 1.2. Đặc trưng của nhà nước 1.3. Bản chất, chức năng của nhà nước 1.4. Kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử 1.5. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam 1.6 Nhà nước pháp quyền và quyền con người	6	1	20	CLO1	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [3]; [5].	Đọc chương 1, 2, 4 giáo trình chính
2	Chương 2: NHỮNG VẤN	10	3	25	CLO1,	Thuyết	[1];	Đọc

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT 2.1 Nguồn gốc, sự hình thành, khái niệm pháp luật 2.2 Bản chất, thuộc tính, chức năng, vai trò của pháp luật 2.3. Hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật 2.4. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý				CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	giảng; thảo luận nhóm;	[2]; [3]; [4]; [5].	chương 3, 4, 5, 6, 8, 17 giáo trình chính
3	Chương 3: LUẬT DÂN SỰ 3.1 Những vấn đề chung về Luật Dân sự 3.2. Một số chế định chủ yếu của ngành Luật Dân sự 3.2.1. Tài sản và quyền sở hữu 3.2.2. Thừa kế 3.2.3 Hợp đồng dân sự 3.2.4. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	7	5	25	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 12 giáo trình chính; Bộ luật dân sự 2015
4	Chương 4: LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 4.1. Khái quát chung 4.2. Những nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình 4.2.1. Kết hôn 4.2.2. Quan hệ giữa vợ và chồng 4.2.3 Quan hệ giữa cha mẹ và con cái 4.2.4. Chấm dứt hôn nhân	2	1	12	CLO2, CLO3, CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 12 giáo trình chính, Luật Hôn nhân và gia đình và VBQPPL có liên quan
5	Chương 5: LUẬT LAO ĐỘNG 5.1. Khái quát chung 5.1.1. Đối tượng điều chỉnh 5.1.2. Phương pháp điều	3	2	13	CLO2; CLO3, CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 12 giáo trình chính, Bộ

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	chính của Luật Lao động 5.2 Một số chế định cơ bản - Kiểm tra					Báo cáo chuyên đề.		luật Lao động 2019
6	Chương 6: PHÁP LUẬT VỀ TỔ TỤNG DÂN SỰ 6.1. Khái niệm và nguyên tắc của Luật tổ tụng dân sự Việt Nam 6.2. Chủ thể của Luật tổ tụng dân sự 6.3. Thẩm quyền của Tòa án 6.4. Thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự Chương 7:	2	2	10	CLO2, CLO3, CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 12 giáo trình chính, Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật phòng chống tham nhũng và
	LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG Ôn tập+ giải đáp							các VBQPPL liên quan

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý luận và pháp lý để giải quyết các bài tập, tình huống tại lớp	- Giáo trình chính - Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm 5-7 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.

- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

(1) Đào Trí Úc và Hoàng Thị Kim Quế. 2023. Giáo trình đại cương về nhà nước và pháp luật, NXB. ĐHQG Hà Nội.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Lê Minh Toàn. 2023. Giáo trình pháp luật đại cương, NXB. CTQG Sự thật.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề[2]	30%
		Trắc nghiệm hoặc/và tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm [3]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	R									
CLO2	R									
CLO3							R			
CLO4							R			
CLO5									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X			X
Báo cáo chuyên đề	X	X			X
Thực hành tại lớp				X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X			
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề		X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X			
Bài tập tự học			X	X	

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5≤10)
Nội dung trắc	Không chọn đúng	Trả lời được đúng	Trả lời được đúng các câu	Trả lời được đúng các câu	- Trả lời được đúng các câu

nghiệm	được các câu hỏi kiến thức cơ bản	các câu hỏi kiến thức cơ bản	hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

TS. Tô Thị Đông Hà

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Tô Thị Đông Hà	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0987685977
Email: toha@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	